TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:100 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2018
V/v Ly hôn và nuôi con

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long A;

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồ Phương Qu, sinh năm 1993(Có mặt);
Địa chỉ: Tổ 31/2 ấp H, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long A;
Bị đơn: Ah Võ Hoài A, sinh năm 1992 (Có mặt);
Địa chỉ: 07 Ấp D, xã TL, huyện Đ, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Qu trình bày: Chị Qu và Ah Võ Hoài A cưới nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Long A vào ngày 20/3/2015, do tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh từ gần cuối năm 2017, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, xích mích do anh A có tính gia trưởng, thường xuyên ăn nhậu về kiếm cớ đánh đập, chửi mắng chị. Chị cũng có khuyên ngăn Nều lần nhưng anh A không thay đổi. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 02 năm 2018. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Võ Ngọc Uyên N, sinh ngày 21/01/2016. Từ khi chị và anh A ly thân thì con chung ở với chị nhưng đến ngày 30/7/2018 anh A rước con về nội ăn đám giỗ thì giữ con lại nuôi luôn và không cho chị đưa rước con về nữa. Hiện con chung đang ở với anh A. Sau khi ly hôn, chị

yêu cầu anh A giao con cho chị được quyền nuôi dưỡng, và chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm công nhân, đi làm từ 7 giờ đến 16 giờ, thu nhập trung bình hàng tháng trên 6.000.000 đồng . Nếu chị được quyền nuôi con thì nhờ mẹ ruột chăm sóc con và chị cũng đang ở chung nhà với mẹ ruột.

Về chia tài sản: Không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn anh Võ Hoài A có lời trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau: Về quA hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Qu trình bày là đúng. Anh có uống rượu, bia nhưng chỉ thỉnh thoảng chứ không phải thường xuyên ăn nhậu như chị Qu trình bày. Anh đã nhận ra sai lầm của mình nên đã xin lỗi chị Qu và gia đình bên vợ Nều lần và đã từ bỏ rượu bia. Nay chị Qu khởi kiện xin ly hôn thì anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con và mong muốn được đoàn tụ để chăm sóc con.

Về con chung: Có 01 người con chung đúng như chị Qu trình bày. Hiện nay anh đang chăm sóc con. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh cũng có yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị Qu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm công nhân, làm từ 8 giờ đến 17 giờ, thu nhập trung bình hàng tháng trên 7.000.000 đồng. Nếu anh được quyền nuôi con thì nhờ cha ruột chăm sóc con, còn mẹ anh thì đang buôn bán nhưng cũng thường xuyên nghỉ bán ở nhà và anh cũng đang sống chung nhà với cha mẹ ruột..

Về chia tài sản: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã công bố cho các đương sự; căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và kết quả trAh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Qu và Ah A là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Qu và anh A cưới nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, Giấy CNĐKKH số 32/2015, Quyển số 1/2015 ngày 20/3/2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống bên gia đình cha mẹ của anh A. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh từ gần cuối năm 2017, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, xích mích do anh A tính tình gia trưởng, thường xuyên uống rượu bia về kiếm cớ đánh đập, chửi mắng chị Qu. Chị Qu cũng có khuyên ngăn Nều lần nhưng anh A không thay đổi vợ chồng chính thức ly than từ tháng 2/2018.

Anh A trình bày còn thương yêu chị Qu và đề nghị cho thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Tại

phiên tòa, chị Qu cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh A vì với bản tính cộc cằn, gia trưởng của anh A thì chị không thể có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả chồng lẫn vợ, nhưng tình cảm của chị Qu dành cho anh A đã hết. Thời gian chị Qu và anh A sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, hai vợ chồng không chung sống gần gũi nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không chia sẻ cùng nhau là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được; việc kéo dài thời gian hôn nhân giữa chị Qu và anh A không mang lại hạnh phúc cho hai người và không thể hàn gắn được,nên cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Quyên. Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ củavợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2.2] Về con chung: Chị Qu và anh A có 01 người con chung tên Võ Ngọc Uyên N, sinh ngày 21/01/2016, cả hai đều yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện, hoàn cảnh và khả năng tài chính của anh A và chị Qu tương đương nhau. Hiện tại cháu Uyên N dưới 36 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*".

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Qu về việc yêu cầu nuôi cháu Uyên N ; không chấp nhận yêu cầu của Anh A nuôi cháu Uyên N.Do đó buộc Anh A phải giao cháu tên Võ Ngọc Uyên N,sinh ngày 21/01/2016 cho chị Qu nuôi. Anh A được quyền thăm nom chăm sóc con chung.Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con : Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng chị Qu không yêu cấu anh A cập dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên không đề cập.

[2.6] Về án phí: Chị Nguyễn Hồ Phương Qu phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩmtheo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hồ Phương Qu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồ Phương Qu được ly hôn với anh Võ Hoài A.

Về con chung: Buộc Anh Võ Hoài A phải giao con chung tên Võ Ngọc Uyên N, sinh ngày 21/01/2016 cho chị Nguyễn Hồ Phương Qu nuôi. Anh A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Nguyễn Hồ Phương Qu phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000958 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long A, chị Qu đã nộp đủ án phí. Ah Võ Hoài A không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Long A;
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- Thi hành án huyện Đ;
- UBND xã TL{*Để ghi chú vào Sổ hộ tịch theo khoản 2 Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015 ngày 07/05/2015, Quyển số 01/2015*};
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH HỮU NGHĨA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ ~~luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ~~ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các trAh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doAh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).
(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết trAh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết trAh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết trAh chấp về kinh doAh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết trAh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").
(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong Nều ngày.
(4) Ghi quA hệ trAh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định trAh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: TrAh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là trAh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "trAh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").
(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viêncủa Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là trAh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là trAh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là trAh chấp về kinh doAh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là trAh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quA, tổ chức thì ghi tên cơ quA, tổ chức và địa chỉ của cơ quA, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quA hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có Nều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức dAh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quA, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trAh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quA về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quA, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quA. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quA, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)